

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-PT

Ngày 13-12-2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLPT-DS ngày 08-10-2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Tiến H, sinh năm 1945; Địa chỉ: Xóm 4 T, xã L, huyện T, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: Xóm 4 T, xã L, huyện T, tỉnh N.

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Văn B:* Ông Đàm Huy H1 - Luật sư của V phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1951; Địa chỉ: Xóm 4 T, xã L, huyện T, tỉnh N.

2. Chị Đặng Thị Y, sinh năm 1972; Địa chỉ: Xóm 4 T, xã L, huyện T, tỉnh N.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm 4 T, xã L, huyện T, tỉnh N.

2. Ông Nguyễn Tiến Y1; Địa chỉ: Xóm 4 T, xã L, huyện T, tỉnh N.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông H, bà M, anh B, chị Y, chị T có mặt; ông Y1 vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Phạm Tiến H trình bày: Gia đình ông đang sử dụng thửa đất 3103 diện tích 505m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995, đến năm 2000 ông cho con trai tên Phạm Việt V (anh V chết năm 2017) một phần đất để ra ở riêng, khi cho có nhờ ông Nguyễn Tiến Y1 (em rể) đến đo đất hộ, không có giấy tặng cho, chỉ bằng lời nói, ông cho chiều rộng hướng Bắc và hướng Nam đều 05 mét, chiều dài theo thổ đất có cạnh Đông giáp ngõ xóm, phía Tây giáp đất vườn nhà ông. Ngay năm 2000 anh V có xây 2 gian nhà cấp 4, chiều rộng 05 mét, chiều dài nhà cả hiên dài 06 mét, ông cho thêm 01 mét ở hồi nhà phía Tây làm lối đi ra sau nhà, dẫn đến đất của con ông cạnh phía Tây giáp nhà ông có hình thước thợ, 01 phần trước cửa nhà từ nhà cấp 4 cũ ra đến đường rộng 5 mét đất trống chưa xây dựng gì, từ nhà cấp 4 về phía sau nhà rộng 6 mét. Năm 2001 anh V bán cho anh Phạm Văn B toàn bộ nhà đất, việc mua bán giữa anh V và anh B như thế nào ông không biết. Ngay năm 2001 anh B nhận đất và xây tường bao quanh nhà rộng 05 mét, Năm 2005 vợ chồng ông vào Miền Nam ở với con, nhà ở khóa cửa không nhờ ai trông coi, đến năm 2017 ông mới về quê, khi về ông thấy anh B xây nhà không đúng hiện trạng đất, anh B đặt đường ống nước lẩn sang đất của gia đình ông rộng 25cm, dài 16,5 mét. Tường bao lối đi ra sau nhà cấp 4 cũ, anh B lẩn sang 01 mét, dài 2,8m; Tổng diện tích đất anh B lẩn của nhà ông khoảng 10m². Năm 2018 và năm 2019 ông đề nghị UBND xã giải quyết thì anh B xuất trình biên bản bàn giao nhà và đất ở, đề ngày 18-7-2001 có ghi diện tích khác với diện tích đất ông cho con ông, trong biên bản có ghi tên ông và chữ ký của ông, ông khẳng định là ông không biết gì về V bản này, đây là V bản do anh B làm giả có sự tiếp tay của ông Đinh Xuân N cán bộ địa chính xã. Quan điểm của ông yêu cầu anh B phải trả lại ông diện tích đất đã lẩn chiếm 10m² và không chấp nhận giấy bàn giao đất đề ngày 18-7-2001 do ông N lập.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Phạm Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Y cùng có lời khai trình bày chung: Năm 2001 vợ chồng anh B mua đất của vợ chồng anh V, hai bên có lập biên bản ngày 18-7-2001 do ông Đinh Xuân N lập tại nhà ông H. Anh B xác định không lẩn chiếm đất của ông H, anh mua đất và sử dụng đất về các cạnh đúng như biên bản lập ngày 18-7-2001. Anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị T (vợ anh V) trình bày: Năm 1998 vợ chồng chị được bố mẹ (ông H, bà M) cho thổ đất có chiều mặt đường rộng 5 mét, chiều dài kéo dài hết thổ đất. Năm 1999 vợ chồng anh chị có xây 01 ngôi

nhà 02 gian cấp 4 hết chiều ngang 5 mét, do không có lối ra sau nhà, ông H, bà M cho thêm 01 mét giáp nhà cấp 4 để làm lối đi ra sau nhà. Năm 2000 vợ chồng chị bán nhà đất cho vợ chồng anh B, khi bán và đo đất cho anh B có ông H, bà M, ông Y1, anh V còn chị T không có mặt. Đến khi giao tiền anh V bảo chị T ký tên Phạm Tiến H để nhận tiền, khi ký chị không đọc lại biên bản.

* Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Tiến Y1 trình bày: Ông là em rể của ông H, năm 2000 ông H có cho anh V đất làm nhà, khi đo đất có vợ chồng ông H, vợ chồng anh V không có thôn đội hoặc người ngoài chứng kiến, không lập biên bản. Diện tích đất cho anh V đúng như lời trình bày của ông H và bà M. Do thời gian đã lâu ông Y1 không nhớ hết các tình tiết sự việc nên ông Y1 không cung cấp gì thêm.

* Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh kết hợp với chính quyền địa phương xã Liêm Hải và các cơ quan chức năng về đo đạc thẩm định toàn bộ thửa đất của anh B. Kết quả đo đạc thực tế, cạnh Nam giáp đường xóm dài 5,25 mét, cạnh Tây giáp đất ông H có hai đoạn hình thước thợ, hình 2 dài 16,5m + hình 1 dài 8,8m, cạnh Đông giáp ngõ dài 23,6 mét, cạnh Bắc dài 06 mét. Tổng diện tích 134,9m². Ông H cho rằng gia đình anh B lấn chiếm phần đất, cạnh phía Tây của nhà anh B đặt đường ống thoát nước, (H2) rộng 25cm, dài 16,5m và (H1) tường bao dài 2,8m, rộng 01 mét. Tổng 6,9m². Đất có trị giá theo thị trường là 1.700.000đồng/ 1m². Trên phần đất đang tranh chấp (H1) 8,8m tường bao trong đó tường bao xây gạch đỏ dài 06 mét, cao 1,53m và tường xây gạch bi dài 2,8m, cạnh thước thợ rộng 0,75 cm, cao 0,53m trên rào lưới B40 và mái tôn.

* Tại biên bản làm việc ngày 14-4-2021 đại diện chính quyền địa phương cho biết: Năm 2000 ông H, bà M có cho con trai là anh Phạm Việt V đất để làm nhà ở, khi cho đất không có V bản giấy tờ gì. Anh V đã làm nhà cấp 4 có chiều rộng 05 mét, chiều dài cả hiên nhà 06 mét, ông H cho anh V thêm 01 mét rộng ở phía Tây để làm lối ra sau nhà, cho nên cạnh Tây thửa đất có hình thước thợ, trước cửa nhà anh V có một khoảng sân, nên ông H cho anh V thêm 01 mét từ phần nào thì không rõ vì khi cho không có giấy tờ, không có căn cứ chứng M. Năm 2001 anh V bán đất cho vợ chồng anh B, ông Đinh Xuân N cán bộ địa chính xã Liêm Hải đã lập biên bản xác định các cạnh của thửa đất, năm 2018 năm 2019 ông H có đơn đề nghị quyết tranh chấp đất, ông H đề nghị anh B trả lại diện tích đất xây tường bao lấn chiếm có chiều rộng 0,75m x 2,8m = 2,1m². UBND xã đã hòa giải nhiều lần và đã đo thực địa. Tại biên bản hòa giải ngày 28-6-2019 anh B đã đồng ý trả lại cho ông H và bà M diện tích đất 2,1m² nhưng sau đó hai gia đình không thống nhất được nên hòa giải không thành. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 09 tHg 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Căn cứ Điều 166; 175; 176 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 166; Điều 170 Luật đất đai.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của ông Phạm Tiến H và bà Phạm Thị M đối với anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y.

2. Buộc anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y phải tự tháo dỡ tường bao trả cho ông H, bà M với diện tích đất $2,1m^2$, có các cạnh như sau:

Cạnh phía Nam giáp đất của ông H, từ điểm A đến B dài 0,75 mét; cạnh Bắc giáp tường bao xây gạch đỏ cũ, từ điểm D đến điểm C dài 0,75 mét; cạnh Đông giáp nhà của anh B từ điểm A đến điểm D dài 2,8 mét; cạnh Tây giáp đất của ông H từ điểm B đến điểm C dài 2,8 mét.(có sơ đồ kèm theo).

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tiến H và bà Phạm Thị M đối với diện tích đất gia đình anh B làm đường ống thoát nước có chiều rộng 25cm, dài 16,5m, tổng diện tích $4,1m^2$.

4. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuY chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án.

5. Ngày 18-6-2021 vợ chồng ông Phạm Tiến H và bà Phạm Thị M là nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với việc Tòa án tuY bác yêu cầu khởi kiện của ông H đối với diện tích đất gia đình anh B làm đường ống thoát nước có chiều rộng 25cm, dài 16,5m, tổng diện tích $4,1m^2$.

6. Ngày 21-6-2021 anh Phạm V B là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Tiến H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông H và bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh Phạm Văn B và luật sư Đàm Huy Hùng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Theo kết quả đo đạc, thẩm định ngày 28-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã cho kết quả cạnh phía nam của nhà anh B đang sử dụng dài 5,25m, căn cứ vào lời khai của ông H, bà M, chị T, ông Y1 thì cạnh phía nam của nhà anh B chỉ dài có 5 m thừa 0,25m. Giấy bàn giao đất đề ngày 18-7-2021 anh B, chị Y đưa ra là không có cơ sở chấp nhận vì chữ ký của ông H là do chị T ký tên là không đúng theo quy định của pháp luật. Có căn cứ

kháng định vợ chồng anh B, chị Y xây dựng đường ống dẫn nước thải có chiều rộng 0,25m chiều dài 16,5m là không đúng ranh giới lần sang thửa đất của ông H, bà M diện tích 4,1m². Kháng cáo của ông H, bà M là có cơ sở chấp nhận. Kháng cáo của anh B là không có cơ sở để chấp nhận. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của vợ chồng ông Phạm Tiến H, bà Phạm Thị M và anh Phạm Văn B thì thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm: Trong hồ sơ vụ án không có Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa Chủ tọa không giải thích về việc đăng công bố bản án lên cổng thông tin điện tử của ngành Tòa án.

[2] Xét kháng cáo của vợ chồng ông Phạm Tiến H, bà Phạm Thị M và anh Phạm Văn B làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là hoàn toàn chính xác.

[4] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng quyền sử dụng đất của hai hộ: Vợ chồng ông Phạm Tiến H và bà Phạm Thị M quản lý sử dụng thửa đất 3103 tờ bản đồ số 6 xã Liêm Hải, diện tích 505m², trong đó 275m² đất ở, 230m² đất vườn tạp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 mang tên ông Phạm Tiến H. Năm 2000 ông H, bà M cho vợ chồng anh Phạm Việt V một phần đất để ra ở riêng, chỉ nói miệng, không lập V bản gì, khi đo đất cho anh V, có ông Nguyễn Tiến Y1 (em rể ông H) đến đo hộ cũng không lập V bản để xác định các cạnh đông tây tứ cận và diện tích của thửa đất. sau khi nhận đất vợ chồng anh V xây nhà cấp 4 có chiều rộng 05 mét, chiều dài nhà có hiên 06 mét và 01 khoảng sân phía trước, còn lại là đất trống, sau đó ông H và bà M cho vợ chồng anh V thêm 01 mét ở cạnh Tây để làm lối đi ra sau nhà, nên cạnh Tây nhà anh V giáp đất ở của ông H, bà M có hình chữ L. Đến năm 2001 vợ chồng anh V bán nhà và đất đang ở cho vợ chồng anh Phạm V B, vợ chồng anh B ở trên đất đó từ năm 2001 cho đến nay. Năm 2005 vợ chồng ông H đi Biên Hòa ở với con trai tên Phạm Quang Vịnh, nhà đất ở nhà của ông H, bà M khóa cửa không giao cho ai quản lý trông coi. Đến năm 2011 vợ chồng ông H phát hiện vợ chồng anh B xây nhà lấn chiếm sang đất của gia đình ông H, không đúng với hiện trạng thổ đất mà ông H bà M trước đây cho anh V. Nay ông H làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Văn B phải trả lại phần đất đã lấn chiếm sang đất của gia đình ông H; Cạnh Tây phần nhà ở của anh B đặt đường ống thoát nước rộng 25 cm, chiều dài 16,5 mét = 4,1m² ; tường

bao nhà cấp 4 cũ vợ chồng anh B lấn chiếm rộng 01 mét, dài 2,8 mét = 2,8m². Tổng diện tích vợ chồng anh B lấn chiếm 6,9m². Hiện tại toàn bộ diện tích của gia đình anh B đang sử dụng vẫn trong diện tích đất 505m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tiến H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Văn B phải trả lại phần đất đã lấn chiếm sang đất của gia đình ông H diện tích là 6,9m² thì thấy. Căn cứ các tài liệu do ông H cung cấp và UBND xã Liêm Hải cung cấp gồm các biên bản làm việc, hòa giải từ 2018 đến năm 2020 của UBND xã Liêm Hải, ông Phạm Tiến H và bà Phạm Thị M đề nghị UBND xã Liêm Hải giải quyết diện tích đất 2,1m² có chiều rộng 0,75m x chiều dài 2,8m = 2,1m². Ông H và bà M không yêu cầu UBND xã giải quyết đối với diện tích đất mà gia đình anh B đặt đường ống thoát nước, có chiều rộng 25cm x 16,5 mét = 4,1m², đến ngày ngày 08-12-2020 ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thêm diện tích đất 4,1m². HĐXX xét thấy: Năm 2000 ông H, bà M tách đất cho vợ chồng anh Phạm Việt V và chị Nguyễn Thị T không thông qua chính quyền địa phương và cũng không lập V bản giấy tờ gì để xác định các cạnh Đông Tây tứ cận và diện tích sử dụng, nên không có căn cứ nào xác định là ông H, bà M cho vợ chồng anh V sử dụng đất có chiều rộng cạnh Nam giáp đường làng là 05 mét hay 5,25 mét. Trong quá trình vợ chồng anh B, chị Y nhận đất sử dụng xây dựng các công trình trên đất từ năm 2001 cho đến năm 2018 đã được 17 năm vợ chồng ông H, bà M đều biết nhưng không có ý kiến gì, hai bên không xảy ra tranh chấp gì. Tại biên bản bàn giao nhà và đất ở đề ngày 18-7-2001 do ông Đinh Xuân N cán bộ địa chính xã Liêm Hải lập cũng ghi chiều cạnh phía nam của đất anh V chuyển nhượng cho vợ chồng anh B là 5,25m, V bản này có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Do vậy HĐXX không có căn cứ xác định là gia đình anh Phạm Văn B đã lấn chiếm 4,1m² đất của gia đình ông H để đặt đường ống thoát nước. Yêu cầu khởi kiện này của ông H không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét việc chuyển nhượng nhà đất của vợ chồng anh Phạm Việt V, chị Nguyễn Thị T thì thấy: Năm 2001 anh V chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Phạm Văn B. Ông N nguyên là cán bộ địa chính xã có lập biên bản bàn giao nhà và đất ở ghi các cạnh đông tây tứ cận và diện tích sử dụng, vợ chồng anh B đã trả đủ tiền và nhận đất để sử dụng, xây dựng nhà ở từ năm 2001 cho đến nay. Năm 2018 ông H và bà M đề nghị UBND xã Liêm Hải giải quyết tranh chấp đối với diện tích vợ chồng anh B xây tường bao lấn chiếm 2,1m², UBND xã đã hòa giải nhiều lần và tại biên bản ngày 28-6-2019 anh B đã đồng ý trả lại cho ông H và bà M diện tích 2,1m², UBND xã đã đo đạc thực địa để hai gia đình thực hiện trả đất và làm lại hợp đồng chuyển nhượng nhưng sau đó do hai gia đình ông H và anh B không thống nhất được. Từ căn cứ trên HĐXX có căn cứ xác định trong thời gian ông H, bà M vắng nhà, gia đình anh B đã xây tường bao lấn chiếm sang đất của gia đình ông H, bà M diện tích 2,1m², nên cần buộc vợ chồng anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y phải có trách nhiệm tháo dỡ tường bao, trả lại cho vợ chồng ông H, bà M 2,1m² có chiều rộng

0,75cm x chiều dài 2,8m (có sơ đồ kèm theo) như bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét biên bản bàn giao nhà và đất ở đề ngày 18-7-2001 do ông Đinh Xuân N nguyên cán bộ địa chính xã Liêm Hải lập và ý kiến của ông H cho rằng là giả mạo. Nội dung trong biên bản ghi tên các thành phần tham gia là ông H, anh B, ông Phạm V Khôi trưởng xóm và ông N, nhưng ký biên bản chỉ có ông N, anh B, chị Y là người mua, còn chữ ký tên ông H lại do chị T vợ anh V ký, trong V bản có ghi căn cứ đơn đề nghị chuyển quyền sử dụng đất của ông H nhưng thực tế ông H không làm đơn và không biết nội dung biên bản. Như vậy HĐXX đủ căn cứ xác định biên bản bàn giao nhà và đất ở đề ngày 18-7-2001 do ông Đinh Xuân N lập, về hình thức và nội dung V bản không đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[8] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự được pháp luật bảo vệ không bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông Phạm Tiến H, bà Phạm Thị M và anh Phạm Văn B cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông H, bà M, anh B không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phạm Tiến H và anh Phạm Văn B không được chấp nhận nên cần buộc ông H, anh B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền ông H, anh B đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002420 ngày 21-6-2021 và số AA/2019/0002418 ngày 21-6-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định sẽ được đối trừ vào số tiền án phí phúc thẩm ông H, anh B phải nộp. Do kháng cáo của bà Phạm Thị M không được chấp nhận nên bà M phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng hiện nay bà M là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí có xác nhận của chính quyền địa phương, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà M được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 166; Điều 174; Điều 175; Điều 176 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147; Điều

148; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của ông Phạm Tiến H đối với anh Phạm Văn B.

2. Buộc vợ chồng anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y phải có trách nhiệm tự tháo dỡ tường bao trả cho vợ chồng ông Phạm Tiến H, bà Phạm Thị M với diện tích đất 2,1m², có các cạnh như sau:

Cạnh phía Nam giáp đất của ông H, từ điểm A đến B dài 0,75 mét; cạnh Bắc giáp tường bao xây gạch đỏ cũ, từ điểm D đến điểm C dài 0,75 mét; cạnh Đông giáp nhà của anh B từ điểm A đến điểm D dài 2,8 mét; cạnh Tây giáp đất của ông H từ điểm B đến điểm C dài 2,8 mét.

(Có sơ đồ xác định ranh giới chi tiết quyền sử dụng đất kèm theo quY1 định của bản án)

3. Vợ chồng ông Phạm Tiến H, bà Phạm Thị M, vợ chồng anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký làm thủ tục điều chỉnh lại và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tiến H đối với diện tích đất vợ chồng anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y làm đường ống thoát nước có chiều rộng 25cm, dài 16,5m, tổng diện tích 4,1m².

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc vợ chồng anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y hoàn trả cho vợ chồng ông Phạm Tiến H và bà Phạm Thị M số tiền 1.500.000đồng tiền chi phí thẩm định, định giá.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Phạm Văn B và chị Đặng Thị Y phải nộp 300.000đồng.

Ông Phạm Tiến H và bà Phạm Thị M là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002261 ngày 08-12-2020 của Chi cục Thi hành án huyện Trục Ninh.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Phạm Thị M.

Ông Phạm Tiến H và anh Phạm Văn B mỗi người phải nộp là 300.000đ, nhưng được đối trừ với số tiền ông H, anh B đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000đ theo các biên lai số AA/2019/0002420 ngày 21-6-2021 và số AA/2019/0002418 ngày 21-6-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Ông H, anh B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trực Ninh;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lại Văn Tùng
(Đã ký)**